

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN
KHOÁ 14

Tên chương trình : Kế toán
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)
Ngành đào tạo : Kế toán
(Accounting)
Mã ngành : 7340301
Hình thức đào tạo : Chính quy

Hải Dương, 2023

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| STT | Ký hiệu | Chữ viết đầy đủ |
|------------|----------------|------------------------|
| 1 | CDR | Chuẩn đầu ra |
| 2 | CTĐT | Chương trình đào tạo |
| 3 | TC | Tín chỉ |

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO | 1 |
| A. GIỚI THIỆU CHUNG | 1 |
| I. Thông tin chung về CTĐT | 1 |
| II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục | 2 |
| B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO | 3 |
| I. Mục tiêu đào tạo..... | 3 |
| 1.1. Mục tiêu chung | 3 |
| 1.2. Mục tiêu cụ thể | 3 |
| 1.2.1. Kiến thức..... | 3 |
| 1.2.2. Kỹ năng..... | 3 |
| 1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm | 3 |
| 1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp..... | 3 |
| II. Chuẩn đầu ra | 4 |
| 2.1. Kiến thức..... | 4 |
| 2.2. Kỹ năng..... | 4 |
| 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm | 4 |
| III. Nội dung chương trình đào tạo..... | 5 |
| IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT..... | 8 |
| V. Tiến trình đào tạo | 11 |
| VI. Nội dung các học phần..... | 12 |
| 6.1. Mô tả học phần | 12 |
| 6.2. Đề cương chi tiết học phần | 25 |

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 339/QĐ-ĐHSD, ngày 31 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

A. GIỚI THIỆU CHUNG

I. Thông tin chung về CTĐT

- Tên CTĐT: Kế toán (Accounting)
- Mã ngành đào tạo: 7340301
- Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
- Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Tên gọi văn bằng: Cử nhân Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)
- Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý).
- Khoa quản lý: Khoa Kinh tế
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.
- Học tập nâng cao trình độ: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn về lĩnh vực kế toán.
- Chương trình tham khảo:
 - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo ngành Kế toán*.
 - Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (2021), *Chương trình đào tạo ngành Kế toán*.
 - Binus University, Indonesia (2020), *Accounting study program*.
 - ST.John'S University, United States of America (2020), *Bachelor of science Accounting*.
- Thời điểm cập nhật: Tháng 8 năm 2022.

II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục - Giá trị văn hoá cốt lõi

2.1. Tầm nhìn - 2030

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

2.2. Sứ mạng - 2025

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025

2.3.1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2.3.2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

2.3.3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

2.3.4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

2.3.5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

2.4. Triết lý giáo dục

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

2.5. Giá trị văn hoá cốt lõi

Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến.

B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, xã hội, nhân văn; có kiến thức chuyên môn toàn diện; có khả năng phân tích hoạt động kế toán, tài chính, kinh doanh tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với các môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển bản thân trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học, tin học, ngoại ngữ và khoa học xã hội, tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật kinh tế, tài chính, nguyên lý, chuẩn mực kế toán.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về kế toán, tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng khai thác mạng internet và phần mềm tin học văn phòng để thống kê, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế.

1.2.2.2. Có kỹ năng vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá công tác tổ chức kế toán tài chính, kế toán quản trị trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Quyết định và hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Kế toán; đảm nhận được công việc kế toán, tài chính, thuế tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp với vai trò là người thực hiện trực tiếp, điều hành và quản lý;

làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và theo học ở trình độ cao hơn.

II. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về toán học, ngoại ngữ và khoa học xã hội, tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, thống kê, chuẩn mực kế toán, luật và chế độ kế toán hiện hành để thực hiện công tác kế toán tài chính, kế toán quản trị trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.1.5. Phân tích được các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp để tham mưu cho lãnh đạo tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.1.6. Vận dụng được các kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị, quản trị tài chính để xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; lập được các chứng từ, sổ sách và báo cáo kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội khác nhau phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và luật kế toán.

2.2.2. Lập, kê khai và quyết toán được các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.2.3. Phân tích được số liệu kế toán để tham mưu cho lãnh đạo về lĩnh vực như: kế toán, thuế, tài chính.

2.2.4. Xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.2.5. Xây dựng được kỹ năng hợp tác, thích ứng với môi trường, công việc mới để dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Phát triển được khả năng tự học, tự nghiên cứu, định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.3.3. Đề xuất kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến kế toán, tài chính.

2.3.4. Thiết lập quy trình điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

III. Nội dung chương trình đào tạo

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Tín chỉ | | |
|----------------|-------------|---|-----------|-----------|----------|
| | | | Tổng | LT | TH |
| 3.1 | | KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG | 52 | | |
| 3.1.1 | | Lý luận chính trị | 11 | 11 | 0 |
| 1 | CTRI 004 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 |
| 2 | CTRI 002 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 |
| 3 | CTRI 001 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 |
| 4 | CTRI 003 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 |
| 5 | CTRI 005 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 |
| 3.1.2 | | Khoa học xã hội - nhân văn | 8 | 8 | 0 |
| 6 | KHXX 006 | Pháp luật đại cương | 2 | 2 | 0 |
| 7 | KHXX 007 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 2 | 0 |
| 8 | KHXX 010 | Tâm lý học đại cương | 2 | 2 | 0 |
| 9 | KHXX 002 | Khởi nghiệp kinh doanh | 2 | 2 | 0 |
| 3.1.3 | | Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ) | 8 | 8 | 0 |
| 3.1.3.1 | | Tiếng Anh | 8 | 8 | 0 |
| 10 | TANH 029 | Tiếng Anh căn bản 1 | 2 | 2 | 0 |
| 11 | TANH 030 | Tiếng Anh căn bản 2 | 3 | 3 | 0 |
| 12 | TANH 031 | Tiếng Anh căn bản 3 | 3 | 3 | 0 |
| 3.1.3.2 | | Tiếng Trung Quốc | 8 | 8 | 0 |
| 13 | TTRUNG 015 | Tiếng Trung căn bản 1 | 2 | 2 | 0 |
| 14 | TTRUNG 016 | Tiếng Trung căn bản 2 | 3 | 3 | 0 |
| 15 | TTRUNG 017 | Tiếng Trung căn bản 3 | 3 | 3 | 0 |
| 3.1.3.3 | | Tiếng Nhật | 8 | 8 | 0 |
| 16 | TNHAT 006 | Tiếng Nhật căn bản 1 | 2 | 2 | 0 |
| 17 | TNHAT 007 | Tiếng Nhật căn bản 2 | 3 | 3 | 0 |
| 18 | TNHAT 008 | Tiếng Nhật căn bản 3 | 3 | 3 | 0 |
| 3.1.4 | | Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học | 11 | 9 | 2 |
| 19 | TOAN 015 | Đại số tuyến tính | 2 | 2 | 0 |
| 20 | TOAN 017 | Giải tích | 2 | 2 | 0 |
| 21 | TOAN 008 | Xác suất và thống kê | 3 | 3 | 0 |
| 22 | TINCB 005 | Tin học cơ bản | 4 | 2 | 2 |
| 3.1.5 | | Kỹ năng mềm | 3 | 2 | 1 |
| 23 | KNM 005 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm | 3 | 2 | 1 |

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Tín chỉ | | |
|----------------|-------------|--|------------------------|-----------|-----------|
| | | | Tổng | LT | TH |
| 3.1.6 | | Giáo dục thể chất | 3 | 0 | 3 |
| 24 | GDTC | Giáo dục thể chất | 3 | 0 | 3 |
| 3.1.7 | | Giáo dục quốc phòng và an ninh | 8 TC (165 tiết) | | |
| 25 | GDQP | Giáo dục quốc phòng và an ninh | 8 TC (165 tiết) | | |
| 3.2 | | KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP | 94 | 60 | 34 |
| 3.2.1 | | Kiến thức cơ sở ngành | 20 | 20 | 0 |
| 26 | KETOAN 057 | Chuẩn mực kế toán Việt Nam | 3 | 3 | 0 |
| 27 | KETOAN 010 | Luật kế toán | 2 | 2 | 0 |
| 28 | QTKD 041 | Kinh tế vi mô | 3 | 3 | 0 |
| 29 | QTKD 052 | Kinh tế vĩ mô | 3 | 3 | 0 |
| 30 | QTKD 054 | Kinh tế lượng | 3 | 3 | 0 |
| 31 | QTKD 055 | Pháp luật kinh tế | 2 | 2 | 0 |
| 32 | KETOAN 050 | Lý thuyết tài chính | 2 | 2 | 0 |
| 33 | QTKD 042 | Lý thuyết thống kê | 2 | 2 | 0 |
| 3.2.2 | | Kiến thức ngành | 12 | 10 | 2 |
| 3.2.2.1 | | Phần bắt buộc | 10 | 8 | 2 |
| 34 | KETOAN 034 | Kế toán quốc tế | 2 | 2 | 0 |
| 35 | KETOAN 011 | Nguyên lý kế toán | 3 | 2 | 1 |
| 36 | KETOAN 040 | Kế toán doanh nghiệp 1 | 3 | 2 | 1 |
| 37 | KETOAN 016 | Phân tích hoạt động kinh tế | 2 | 2 | 0 |
| 3.2.2.2 | | Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau) | 2 | 2 | 0 |
| 38 | QTKD 001 | Marketing căn bản | 2 | 2 | 0 |
| 39 | QTKD 056 | Thống kê doanh nghiệp | 2 | 2 | 0 |
| 40 | KETOAN 033 | Bảo hiểm | 2 | 2 | 0 |
| 3.2.3 | | Kiến thức chuyên ngành | 42 | 30 | 12 |
| 3.2.3.1 | | Phần bắt buộc | 40 | 28 | 12 |
| 41 | KETOAN 041 | Kế toán doanh nghiệp 2 | 3 | 2 | 1 |
| 42 | KETOAN 014 | Kế toán chi phí | 2 | 1 | 1 |
| 43 | KETOAN 046 | Kế toán quản trị | 3 | 3 | 0 |
| 44 | KETOAN 053 | Quản trị tài chính | 3 | 3 | 0 |
| 45 | KETOAN 042 | Kế toán doanh nghiệp 3 | 3 | 2 | 1 |
| 46 | KETOAN 043 | Kế toán doanh nghiệp 4 | 3 | 2 | 1 |
| 47 | KETOAN 009 | Kiểm toán căn bản | 2 | 2 | 0 |
| 48 | KETOAN 049 | Kiểm toán báo cáo tài chính | 3 | 2 | 1 |
| 49 | KETOAN 055 | Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế | 3 | 2 | 1 |
| 50 | KETOAN 059 | Thuế và kế toán thuế | 4 | 3 | 1 |
| 51 | KETOAN 012 | Phân tích báo cáo tài chính | 3 | 2 | 1 |
| 52 | KETOAN 047 | Kế toán tin | 3 | 0 | 3 |

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Tín chỉ | | |
|-----------------------|-------------|--|------------|----------|-----------|
| | | | Tổng | LT | TH |
| 53 | KETOAN 022 | Kế toán ngân sách và tài chính xã | 2 | 2 | 0 |
| 54 | KETOAN 028 | Kế toán hành chính sự nghiệp | 3 | 2 | 1 |
| 3.2.3.2 | | Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau) | 2 | 2 | 0 |
| 55 | KETOAN 045 | Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã | 2 | 2 | 0 |
| 56 | KETOAN 051 | Nghiệp vụ kế toán ngân hàng | 2 | 2 | 0 |
| 57 | KETOAN 048 | Kế toán xây dựng cơ bản | 2 | 2 | 0 |
| 3.2.4 | | Thực tập và khóa luận tốt nghiệp | 20 | 0 | 20 |
| 58 | KETOAN 402 | Thực tập chuyên đề | 3 | 0 | 3 |
| 59 | KETOAN 403 | Thực tập tốt nghiệp | 7 | 0 | 7 |
| 60 | KETOAN 406 | Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau) | 10 | 0 | 10 |
| 61 | KETOAN 035 | Đề án kế toán thuế | 3 | 0 | 3 |
| 62 | KETOAN 056 | Đề án kế toán doanh nghiệp | 7 | 0 | 7 |
| Tổng (tín chỉ) | | | 146 | | |

B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

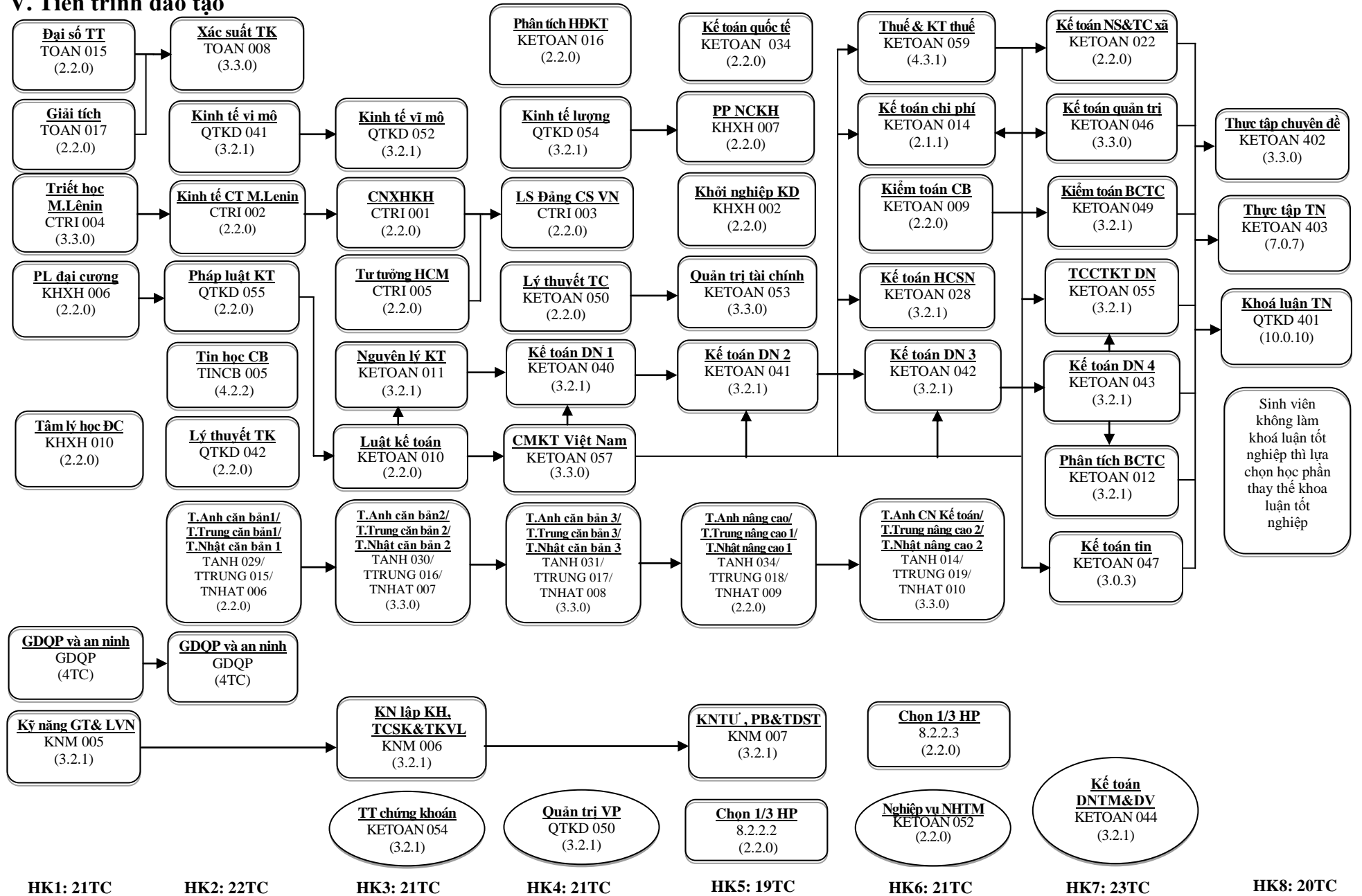
| STT | Mã học phần | Tên học phần | Tín chỉ | | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|--|-----------|-----------|----------|
| | | | Tổng | LT | TH |
| I. Học phần điều kiện | | | 11 | 9 | 2 |
| I.1 | | Kỹ năng mềm | 6 | 4 | 2 |
| 1 | KNM 006 | Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm | 3 | 2 | 1 |
| 2 | KNM 007 | Kỹ năng thích ứng, phân biện và tư duy sáng tạo | 3 | 2 | 1 |
| I.2 | | Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ) | 5 | 5 | 0 |
| 3 | TANH 034/ TTRUNG 018/ TNHAT 009 | Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1/Tiếng Nhật nâng cao 1 | 2 | 2 | 0 |
| 4 | TANH 014/ TTRUNG 019/ TNHAT 010 | Tiếng Anh ngành Kế toán/Tiếng Trung nâng cao 2/ Tiếng Nhật nâng cao 2 | 3 | 3 | 0 |
| II. Học phần tự chọn tùy ý | | | 11 | 8 | 3 |
| 5 | KETOAN 054 | Thị trường chứng khoán | 3 | 2 | 1 |
| 6 | KETOAN 044 | Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ | 3 | 2 | 1 |
| 7 | KETOAN 052 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 2 | 2 | 0 |
| 8 | QTKD 050 | Quản trị văn phòng | 3 | 2 | 1 |
| Tổng (tín chỉ) | | | 22 | 17 | 5 |

IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

| STT | Mã học phần | Học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|-------------|------------------------------------|-----------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|---------|-------|-------|-------|-------|-------|---------------------------|-------|-------|-------|---|
| | | | Kiến thức | | | | | | Kỹ năng | | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | | |
| | | | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.1.3 | 2.1.4 | 2.1.5 | 2.1.6 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 2.2.4 | 2.2.5 | 2.2.6 | 2.3.1 | 2.3.2 | 2.3.3 | 2.3.4 | |
| 1. | CTRI 004 | Triết học Mác - Lênin | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | 4 | |
| 2. | CTRI 002 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | 4 | |
| 3. | CTRI 001 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | 4 | |
| 4. | CTRI 003 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | 4 | |
| 5. | CTRI 005 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | 4 | |
| 6. | KHXH 006 | Pháp luật đại cương | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | 4 | |
| 7. | KHXH 007 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | | 3 | | | | | 3 | | | | | | | 3 | | | |
| 8. | KHXH 010 | Tâm lý học đại cương | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | 4 | |
| 9. | KHXH 002 | Khởi nghiệp kinh doanh | | | | 4 | | | | | | | 4 | | | | 4 | 4 | 4 |
| 10. | TANH 029 | Tiếng Anh căn bản 1 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 11. | TANH 030 | Tiếng Anh căn bản 2 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 12. | TANH 031 | Tiếng Anh căn bản 3 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 13. | TTRUNG 015 | Tiếng Trung căn bản 1 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 14. | TTRUNG 016 | Tiếng Trung căn bản 2 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 15. | TTRUNG 017 | Tiếng Trung căn bản 3 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 16. | TNHAT 006 | Tiếng Nhật căn bản 1 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 17. | TNHAT 007 | Tiếng Nhật căn bản 2 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 18. | TNHAT 008 | Tiếng Nhật căn bản 3 | | 3 | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | | |
| 19. | TOAN 015 | Đại số tuyến tính | | 3 | | | | | 2 | | | | | | | 2 | | | |
| 20. | TOAN 017 | Giải tích | | 3 | | | | | 2 | | | | | | | 2 | | | |
| 21. | TOAN 008 | Xác suất và thống kê | | 3 | | | | | 3 | | | | | | | 2 | | | |
| 22. | TINCB 005 | Tin học cơ bản | | | 3 | | | | | | | | | 3 | 3 | 3 | | | |
| 23. | KNM 005 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm | 2 | | | | | | | | | 4 | 3 | | | 4 | | 4 | |
| 24. | GDTC | Giáo dục thể chất | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | | |
| 25. | GDQP | Giáo dục quốc phòng và an ninh | 2 | | | | | | | | | 3 | | | | 4 | | | |
| 26. | KETOAN 057 | Chuẩn mực kế toán Việt Nam | | | | 3 | | | 3 | | | | | | | | 3 | | |

| STT | Mã học phần | Học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|---|-----------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|---------|-------|-------|-------|-------|-------|---------------------------|-------|-------|-------|
| | | | Kiến thức | | | | | | Kỹ năng | | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | |
| | | | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.1.3 | 2.1.4 | 2.1.5 | 2.1.6 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 2.2.4 | 2.2.5 | 2.2.6 | 2.3.1 | 2.3.2 | 2.3.3 | 2.3.4 |
| 54. | KETOAN 028 | Kế toán hành chính sự nghiệp | | | | 4 | | | 4 | | | | | | | 4 | 4 | |
| 55. | KETOAN 045 | Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã | | | | 4 | | | 4 | | | | | | | 4 | 4 | |
| 56. | KETOAN 051 | Nghiệp vụ kế toán ngân hàng | | | | 4 | | | 4 | | | | | | | 4 | 4 | |
| 57. | KETOAN 048 | Kế toán xây dựng cơ bản | | | | 4 | | 4 | 4 | 4 | | | | | | 4 | 4 | |
| 58. | KETOAN 402 | Thực tập chuyên đề | | | | 4 | | | 4 | 4 | 4 | | | | | 4 | 4 | 4 |
| 59. | KETOAN 403 | Thực tập tốt nghiệp | | | | 4 | 4 | | | 4 | 4 | 4 | | | | 4 | 4 | 4 |
| 60. | KETOAN 406 | Khóa luận tốt nghiệp | | | | 5 | 5 | 5 | 4 | 4 | 4 | 4 | | | 4 | 4 | 4 | 4 |
| 61. | KETOAN 035 | Đề án kế toán thuế | | | | 5 | 5 | 5 | 4 | 4 | | 4 | | | 4 | 4 | 4 | 4 |
| 62. | KETOAN 056 | Đề án kế toán doanh nghiệp | | | | 5 | 5 | 5 | 4 | 4 | | 4 | | | 4 | 4 | 4 | 4 |
| 63. | KNM 006 | Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm | 2 | | | | | | | | | 4 | 3 | | 4 | | 4 | |
| 64. | KNM 007 | Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo | 2 | | | | | | | | | 4 | 3 | | 4 | | 4 | |
| 65. | TANH 034/ TTRUNG 018/ TNHAT 009 | Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1/Tiếng Nhật nâng cao 1 | 3 | | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | |
| 66. | TANH 014/ TTRUNG 019/ TNHAT 010 | Tiếng Anh ngành Kế toán/Tiếng Trung nâng cao 2/ Tiếng Nhật nâng cao 2 | 3 | | | | | | | | | | | 3 | 3 | | | |
| 67. | KETOAN 054 | Thị trường chứng khoán | | | | | 4 | | | | | 4 | | | | | | 4 |
| 68. | KETOAN 044 | Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ | | | | 4 | | 4 | 4 | | | | | | | 4 | 4 | |
| 69. | KETOAN 052 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | | | | 4 | | | | | 4 | | | | | | | 4 |
| 70. | QTKD 050 | Quản trị văn phòng | | | | | 4 | | | | | 4 | | | | | | 4 |

V. Tiến trình đào tạo



VI. Nội dung các học phần

6.1. Mô tả các học phần

1. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ

bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

8. Tâm lý học đại cương

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên nội dung cơ bản về: những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người.

9. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: Thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

10. Tiếng Anh căn bản 1

Học phần Tiếng Anh căn bản 1 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

11. Tiếng Anh căn bản 2

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Đồ ăn, quần áo, máy tính và internet, âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kỳ nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: quá khứ, hiện tại hoàn thành, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

12. Tiếng Anh căn bản 3

Học phần gồm 12 bài học về các chủ điểm: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

13. Tiếng Trung căn bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: Cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, từ

vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống... và kiến thức ngữ pháp như: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

14. Tiếng Trung căn bản 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu hỏi dùng 呢, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ 的, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền, số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc 又...又..., 一点儿 và 有一点儿, 还是 và 或者. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

15. Tiếng Trung căn bản 3

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Hoạt động hằng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống,...

16. Tiếng Nhật căn bản 1

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm, thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định cùng với các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm, đồng thời học phần cung cấp các bài tập luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các chủ đề bài học.

17. Tiếng Nhật căn bản 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

- Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

18. Tiếng Nhật căn bản 3

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru, động từ thể -tai, thể -te.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, biểu thị ý muốn, mệnh lệnh, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp.

19. Đại số tuyến tính

Học phần Đại số tuyến tính đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương.

20. Giải tích

Học phần Giải tích đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Hàm một biến số: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân hàm một biến.

- Hàm nhiều biến số: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm riêng, vi phân, cực trị, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai.

21. Xác suất và thống kê

Học phần Xác suất và thống kê đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Lý thuyết xác suất: giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, các công thức xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều.

- Lý thuyết thống kê: lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết.

22. Tin học cơ bản

Học phần Tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Đồng thời giới thiệu cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

23. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các phương tiện và các kỹ năng giao tiếp như: Cách thức giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp; những khó khăn trong giao tiếp; các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường như: Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường; nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm. Từ đó, sinh viên vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

24. Giáo dục thể chất

Sinh viên chọn 1 trong 3 nội dung:

- *Bóng chuyền hơi*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền.

- *Bóng đá*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá: kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu môn, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của bóng đá.

- *Khiêu vũ thể thao*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; luật khiêu vũ thể thao; các kỹ thuật cơ bản: thuật ngũ, vũ điệu Bachata, Chachacha và Bebo.

25. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

26. Chuẩn mực kế toán Việt Nam

Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc, quy định chung trong hạch toán kế toán và các nguyên tắc, phương pháp kế toán cụ thể về tài sản, doanh thu, chi phí và một số nội dung đặc thù khác trong doanh nghiệp.

27. Luật kế toán

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy định chung về kế toán, các hành vi bị nghiêm cấm trong kế toán, chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, báo cáo tài chính; kiểm tra kế toán, kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán;

kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giả thể, chấm dứt hoạt động, phá sản; tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán; hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.

28. Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học; quy luật cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.

29. Kinh tế vĩ mô

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô, chính sách vĩ mô của Nhà nước; phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các biến số và quá trình thay đổi kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

30. Kinh tế lượng

Học phần cung cấp kiến thức về nguyên tắc thiết lập mô hình toán học mô tả mối quan hệ giữa các biến số, từ đó thu thập số liệu để ước lượng mô hình, kiểm định bản chất của sự phụ thuộc, sử dụng các biện pháp khác nhau để phát hiện các khuyết tật của mô hình và có biện pháp khắc phục và lựa chọn mô hình phù hợp với lý thuyết, sử dụng mô hình đó để dự báo và ra quyết định.

31. Pháp luật kinh tế

Học phần trang bị kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành như các chế định pháp lý cơ bản điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, chế độ pháp lý về hợp đồng, cách thức ký kết và đảm bảo thực hiện hợp đồng, pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về tài chính.

32. Lý thuyết tài chính

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về tài chính, hệ thống tài chính; thị trường tài chính; tìm hiểu nội dung của các khâu ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế và các tổ chức tài chính trung gian. Phân biệt được phạm trù tài chính với các phạm trù: tiền tệ, giá cả, tiền lương, lãi suất,... Qua đó đánh giá sự tác động của các quan hệ tài chính đó tới nền kinh tế.

33. Lý thuyết thống kê

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về thống kê học, điều tra thống kê, tổng hợp thống kê, nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội, điều tra chọn mẫu và phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

34. Kế toán quốc tế

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kế toán quốc tế; tổ chức lập quy và quy trình soạn thảo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; khuôn mẫu lý

thuyết chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; đối chiếu hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống chuẩn mực kế toán của một số quốc gia.

35. Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, đối tượng nghiên cứu của kế toán; các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên có thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các học phần kế toán khác.

36. Kế toán doanh nghiệp 1

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán có liên quan đến kế toán tiền mặt tại quỹ, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính trong doanh nghiệp

37. Phân tích hoạt động kinh tế

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh tế như: phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo từng mặt hàng, phân tích chất lượng sản phẩm, phân tích tính đồng bộ của sản xuất, phân tích các yếu tố về lao động, các yếu tố về tài sản cố định, phân tích yếu tố nguyên vật liệu, lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh, tình hình tài chính từ đó đưa ra các quyết định và giải pháp hợp lý mang lại hiệu quả cao nhất.

38. Marketing căn bản

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing - mix: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

39. Thống kê doanh nghiệp

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thống kê trong doanh nghiệp. Thông qua các số liệu thống kê từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp sinh viên có thể đưa ra các phân tích, nhận xét và các giải pháp giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

40. Bảo hiểm

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về bảo hiểm như vai trò, nguyên tắc hoạt động, các giai đoạn phát triển của bảo hiểm trong lịch sử...; các hình thức bảo hiểm xã hội; bảo hiểm phi nhân thọ tự nguyện và bắt buộc; bảo hiểm nhân thọ.

41. Kế toán doanh nghiệp 2

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ đối với kế toán tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính dài hạn; kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

42. Kế toán chi phí

Học phần Kế toán chi phí trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về kế toán chi phí; phân loại chi phí sản xuất và giá thành; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi

phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.

43. Kế toán quản trị

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; các quyết định về giá bán và các thông tin của kế toán quản trị với việc ra quyết định.

44. Quản trị tài chính

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị các loại vốn trong doanh nghiệp, doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn qua thị trường tài chính và phương pháp thẩm định hiệu quả dự án đầu tư, phương pháp lập kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp.

45. Kế toán doanh nghiệp 3

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

46. Kế toán doanh nghiệp 4

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về kế toán thành phẩm, tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả, phương pháp lập báo cáo tài chính doanh nghiệp.

47. Kiểm toán căn bản

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kiểm toán; kiểm soát nội bộ; các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán tài chính; phương pháp kiểm toán và kỹ thuật chọn mẫu kiểm toán; quy trình kiểm toán và báo cáo kiểm toán; chuẩn mực kiểm toán.

48. Kiểm toán báo cáo tài chính

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kiểm toán tài chính; nguyên tắc và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính như: kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền, kiểm toán chu trình mua hàng và thanh toán, kiểm toán chu trình hàng tồn kho, kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, kiểm toán chu trình tiếp nhận và hoàn lại vốn, kiểm toán các thông tin tài chính khác.

49. Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chứng từ; hệ thống tài khoản; sổ kế toán; chế độ báo cáo kế toán cũng như các phương pháp tổ chức công tác kế toán ở từng phân hệ kế toán như: kế toán vốn bằng tiền, các nghiệp vụ thanh toán; kế toán hàng tồn kho; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ; kế toán quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

50. Thuế và kế toán thuế

Học phần thuế và kế toán thuế trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, căn cứ và phương pháp tính các loại thuế, nội dung, phương

pháp hạch toán kế toán, kê khai các loại thuế trong doanh nghiệp như: Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp

51. Phân tích báo cáo tài chính

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống các báo cáo tài chính hiện hành của doanh nghiệp và những kiến thức cơ bản về các chỉ tiêu tài chính, phương pháp phân tích các nội dung tài chính, kế toán, rủi ro, thanh toán, kết quả kinh doanh... theo yêu cầu.

52. Kế toán tin

Học phần trang bị kiến thức về cách sử dụng kế toán máy trong doanh nghiệp, đồng thời giúp sinh viên có thể tiếp cận được cách làm kế toán bằng phần mềm tại các doanh nghiệp thông qua các nội dung: cập nhật danh mục các đối tượng vào phần mềm, kế toán hàng tồn kho, kế toán lương, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền, kế toán giá thành và kế toán xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp.

53. Kế toán ngân sách và tài chính xã

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ, báo cáo kế toán sử dụng trong đơn vị xã, phường; tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán các khoản tiền, vật tư, tài sản cố định, các khoản thanh toán, nguồn kinh phí và các quỹ tài chính ngoài ngân sách, thu ngân sách và thu sự nghiệp, chi ngân sách và chi sự nghiệp, chênh lệch thu chi ngân sách xã; quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi và quy trình quản lý, công khai ngân sách xã.

54. Kế toán hành chính sự nghiệp

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài chính và các khoản liên doanh liên kết, các khoản thu - chi và chênh lệch thu chi của hoạt động hành chính sự nghiệp, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh; hệ thống báo cáo tài chính và phương pháp lập báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

55. Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về luật hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành luật hợp tác xã, chế độ kế toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

56. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về nghiệp vụ kế toán ngân hàng thương mại như: kế toán tiền mặt; kế toán đầu tư và kinh doanh chứng khoán; kế toán tín dụng; kế toán huy động vốn...

57. Kế toán xây dựng cơ bản

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán kế toán như: kế toán đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

58. Thực tập chuyên đề

Thực tập chuyên đề nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp cận với bộ máy quản trị doanh nghiệp, tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, nhân sự, bộ máy kế toán, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập.

59. Thực tập tốt nghiệp

Giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; vận dụng kiến thức đã học vào công tác kế toán thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

60. Khóa luận tốt nghiệp

Giúp sinh viên củng cố, nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo. Rèn luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo. Rèn cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

61. Đề án kế toán thuế

Học phần rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng xác định các loại thuế phải nộp, hạch toán, kê khai và quyết toán các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp đúng quy định hiện hành. Sinh viên hình thành kỹ năng phân tích và đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

62. Đề án kế toán doanh nghiệp

Học phần rèn luyện cho sinh viên kiến thức để có cách nhìn tổng quan về kế toán tại các doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong môn học kế toán doanh nghiệp.

63. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm

Học phần Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện. Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm kiếm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi

khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

64. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo

Học phần Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng như: kỹ năng thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng như: xác định tư tưởng, thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra, luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm của người có kỹ năng phản biện, rèn luyện kỹ năng phản biện, trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên, rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng phản biện khi giao tiếp, nâng cao khả năng sáng tạo, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện để có cách nhìn khách quan, hình thành thói quen đặt câu hỏi, việc sử dụng sơ đồ. Nội dung kỹ năng tư duy sáng tạo gồm khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo, phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo, phương pháp tư duy sáng tạo. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng vào quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

65. Tiếng Anh nâng cao

Học phần Tiếng Anh nâng cao cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

66. Tiếng Trung nâng cao 1

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày như: học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: diễn tả sự hoàn thành của động tác, cấu trúc câu nguyên nhân kết quả “因为所以...”, câu bỏ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn 比, hơn nhất “最”, so sánh bằng “有”, so sánh giống nhau “跟 一样”, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra “要了”、“就要....了”、“快要....了”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

67. Tiếng Nhật nâng cao 1

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

68. Tiếng Anh ngành Kế toán

- Học phần trang bị cho sinh viên lượng từ vựng liên quan đến nghề nghiệp lĩnh vực kế toán, số liệu, công cụ điện tử, các mẫu biểu kế toán, chi phí, thuế, khấu hao, tài sản, phần mềm kế toán. Luyện các kỹ năng nghe, nói đọc hiểu và viết cho sinh viên theo chủ điểm của từng bài học.

- Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Kế toán, sinh viên biết được một lượng từ vựng nhất định thuộc chuyên ngành Kế toán, bằng tiếng Anh. Sinh viên biết cách đọc hiểu và dịch một số tài liệu cơ bản thuộc chuyên ngành của mình.

69. Tiếng Trung nâng cao 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: câu bỏ ngữ kết quả, trợ từ động thái “了”、“着”、“过”, bỏ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.....”, “是 的”, tính từ lặp lại, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bỏ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

70. Tiếng Nhật nâng cao 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta, cách nói trần thuật, nêu suy nghĩ, phán đoán, mệnh đề bổ nghĩa cho danh từ.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

71. Thị trường chứng khoán

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như: nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán được giao dịch, thị trường sở giao dịch và thị trường phi tập trung, các quỹ đầu tư và các tổ chức kinh doanh chứng khoán. Giúp sinh viên tiếp cận các phương pháp phân tích chứng khoán trong hoạt động đầu tư.

72. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như: đặc điểm, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán hoạt động mua bán hàng hóa, đánh giá hàng hóa; kế toán hoạt động mua hàng, bán hàng; kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

73. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngân hàng thương mại; nguyên lý hoạt động; các nghiệp vụ như huy động vốn, tín dụng, cho vay, nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán không dùng tiền mặt, bảo lãnh, thanh toán quốc tế... giúp sinh viên tiếp cận một cách có hệ thống hoạt động của ngân hàng thương mại.

74. Quản trị văn phòng

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về văn phòng và tổ chức văn phòng, các nghiệp vụ cơ bản của văn phòng. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về công tác quản trị văn phòng trong các doanh nghiệp góp phần quản trị hiệu quả công tác văn phòng.

6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên